TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24-12-2025.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hà Chí Thanh.
2. Bà Lò Thị Giang.

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Thiết - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXX - HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản X, xã P, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Hiện nay là bản X, xã P, tỉnh Sơn La). Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lường Văn X, sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản X, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La (Hiện nay là bản X, xã P, tỉnh Sơn La). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2025, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, chị Lò Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lường Văn X kết hôn vào ngày 10/6/2010 trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và được UBND xã P, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là UBND xã P, tỉnh Sơn La) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng gia đình chị T ở bản X, xã P, tỉnh Sơn La, vợ chồng anh chị sống chung hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh X không chịu khó làm ăn, hay rượu

chè về nhà đánh đập chị T, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, chăm sóc con cái. Chị và anh X đã ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2024 cho đến nay. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với anh X, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh X.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 03 con chung, là cháu Lường Thị T, sinh ngày 28/3/2011; cháu Lường Thị Thúy H, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Lường Thanh N, sinh ngày 29/10/2017. Hiện nay các cháu đang do chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Nguyện vọng của chị T sau khi ly hôn là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba cháu, cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị T và anh X đã tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị T cam kết không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với Bị đơn anh Lường Văn X: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng anh X không có mặt tại địa phương, không rõ địa chỉ cư trú mới hiện nay ở đâu, vì vậy Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp tống đạt, thông báo theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời niêm yết các loại văn bản trên đảm bảo theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì anh X không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án không thể nắm bắt được nguyện vọng của anh về việc chị T xin ly hôn, người trực tiếp nuôi con và các vấn đề khác, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được. Anh X đã từ chối quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng, do vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và yêu cầu của chị T để giải quyết vụ án theo quy định.

Qua xác minh, ông Cầm Văn P – Trưởng bản của bản X, xã M, tỉnh Sơn La cho biết:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị Lò Thị T và anh Lường Văn X sinh sống và đăng ký thường trú tại bản X, xã P, tỉnh Sơn La. Trong quá trình sinh sống với nhau tại địa phương vợ chồng anh X chị T hay sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh X rượu chè về nhà đánh đập chị T, đỉnh điểm vào cuối tháng 9 năm 2024, chính quyền bản cũng đã lập biên bản hòa giải, giải quyết, anh X cam

đoan không tái phạm nữa, từ đó đến nay anh X bỏ đi khỏi địa phương không rõ đi đâu làm gì, địa chỉ cư trú mới tại đâu.

Về con chung: Anh X và chị T có 03 con chung là cháu Lường Thị T, sinh ngày 28/3/2011; cháu Lường Thị Thúy H, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Lường Thanh N, sinh ngày 29/10/2017. Từ khi chị T và anh X ly thân đến nay các cháu đang do chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản chung: Chị T và anh X không có tài sản gì có giá trị, chỉ có đồ dùng sinh hoạt trong gia đình.

Về nợ chung: Chị T và anh X không có nợ chung, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát Phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn Lường Văn X đã được tống đạt hợp lệ các thủ tục theo quy định của pháp luật, tuy nhiên không đến Tòa án để giải quyết vụ án, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh X.

- Về con chung: Giao các cháu Lường Thị T, sinh ngày 28/3/2011; cháu Lường Thị Thúy H, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Lường Thanh N, sinh ngày 29/10/2017 cho chị Lò Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi

cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lường Văn X chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho chị Lò Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lò Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lường Văn X, xét thấy là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Lường Văn X cư trú tại bản X, xã P, tỉnh Sơn La nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La, theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn anh Lường Văn X, do đã đi khỏi nơi cư trú, không rõ địa chỉ cư trú mới, Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh X không có mặt để giải quyết vụ án tại Tòa án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh X theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 10/6/2010 chị Lò Thị T và anh Lường Văn X tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Nay là UBND xã P, tỉnh Sơn La), do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh X là hợp pháp theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của anh chị thường xảy ra xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh X thường xuyên rượu chè, đánh đập chị T, không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình và chính quyền bản hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị T và anh X đã ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2024 cho đến nay, chị T cương quyết xin ly hôn với anh X. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T anh X đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần xử cho chị T được ly hôn với anh Lường Văn X, theo quy định khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lường Văn X có 03 con chung là các cháu Lường Thị T, sinh ngày 28/3/2011; cháu Lường Thị Thúy H, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Lường Thanh N, sinh ngày 29/10/2017. Hiện nay các cháu

đang sinh sống và học tập ổn định tại nơi cư trú của chị T và nguyện vọng của các cháu là được chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để được thuận tiện cho việc sinh sống, học tập của các cháu, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả 3 cháu cho chị Lò Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, là phù hợp và đảm bảo cho sự phát triển về thể chất và tinh thần cũng như thuận lợi cho việc sinh sống và học tập cho các cháu. Chị T không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí ly hôn theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị T, xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lường Văn X.

2. Về con chung: Giao các cháu Lường Thị T, sinh ngày 28/3/2011; cháu Lường Thị Thúy H, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Lường Thanh N, sinh ngày 29/10/2017 cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Lường Văn X chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Lò Thị T. Chị T được trả lại 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000521 ngày 21/10/2025 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Lường Văn X được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND Khu vực 4 - Sơn La;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- UBND xã P, tỉnh sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Văn Hải